

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**
Bản án số: **13/2021/HS - ST**
Ngày: 22 - 12- 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Nghĩa

Bà Đặng Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: bà Quách Thị Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:
ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 148/2021/TLST - HS ngày 15 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/2021/HSST – QĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Phan Thị P; Sinh năm: 1970 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: số 553 tổ 16, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Uốn tóc; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Kim P - Sinh năm: 1949 (chết) và con bà Nguyễn Thị Kim T - Sinh năm: 1951; Bị cáo có chồng Lê Thành C (đã ly hôn) và có 02 người con, con lớn sinh năm 1991 con nhỏ sinh năm 1994.

Tiền án, Tiền sự: không

Nhân thân: tốt

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2021 đến ngày 08/8/2021 thì cho gia đình bảo lãnh.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị P, sinh năm 1970, là đối tượng làm nghề môi giới các khóa học lái xe để hưởng tiền hoa hồng của các trung tâm đào tạo, trong quá trình làm nghề môi giới thì P có quen biết với một đối tượng tên T (cư trú tại phường K, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh) chuyên nhận làm giấy phép lái xe giả. Do thấy nhiều đối tượng có nhu cầu làm giả giấy phép lái xe ô tô nên vào khoảng đầu năm 2020, P đã

nhận làm giả các giấy phép lái xe sau đó chuyển cho T để kiếm tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

- Nguyễn Thành Tsinh năm 1996 (nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng) sử dụng số điện thoại 0967.250.696 gọi điện cho P số 0919.192.026 để nhờ P làm cho 01 giấy phép lái xe hạng D giả (thông tin trên giấy phép lái xe là của người khác còn hình ảnh trên giấy phép lái xe là của T), P yêu cầu T chuyển số tiền 2.500.000 đồng cùng với 02 tấm ảnh 3x4. Sau đó P gọi điện cho một đối tượng tên T theo số điện thoại 0982.525.582 để nhờ T làm giả giấy phép lái xe hạng D cho T, T nhận làm với giá 1.200.000 đồng ý và yêu cầu P giao tiền và hình ảnh cho T tại Quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Thùy L (nơi cư trú: Đội 2, thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị) sử dụng số điện thoại 0949.572.381 gọi điện cho P số 0919.192.026 để nhờ P làm cho 01 giấy phép lái xe giả hạng B2 cho chồng là Lê Quốc P, sinh năm 1979, P yêu cầu L chuyển số tiền 2.500.000 đồng cùng với 02 tấm ảnh 3x4 và giấy chứng minh nhân dân của P cho U. Sau đó U tiếp tục gọi điện cho T theo số điện thoại 0982.525.582 để nhờ T làm giả giấy phép lái xe hạng B2 cho P, T nhận làm với giá 1.200.000 đồng ý và yêu cầu P giao tiền cùng hình ảnh, giấy chứng minh nhân dân cho T.

- Đặng Đức D (nơi cư trú: 758 Q, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định) sử dụng số điện thoại 0942.798.565 gọi điện cho P số 0919.192.026 để nhờ P làm cho 01 giấy phép lái xe giả hạng FC mang tên người khác nhưng dán hình ảnh của D, P yêu cầu D chuyển số tiền 2.500.000 đồng cùng với 02 tấm ảnh 3x4, D đồng ý và chuyển kèm thêm 01 bản giấy phép lái xe phôtô hạng FC tên Nguyễn Văn T cho P. Sau đó P gọi điện cho T nhờ T làm giả giấy phép lái xe hạng FC cho D, T nhận làm với giá 1.200.000 đồng ý và yêu cầu P giao tiền cùng hình ảnh, 01 bản phôtô giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn T cho T.

- Võ T, sinh năm 1965 (nơi cư trú: phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước) sử dụng số điện thoại 0333.562.673 gọi điện cho P số 0919.192.026 để nhờ P làm cho 01 giấy phép lái xe giả hạng E, P yêu cầu Võ T chuyển số tiền 1.800.000 đồng cùng với 02 tấm ảnh 3x4 và bản phôtô giấy phép lái xe hạng E cũ của T cho P. Sau đó P gọi điện cho T để nhờ T làm giả giấy phép lái xe hạng E cho Võ T, T nhận làm với giá 1.200.000 đồng ý và yêu cầu P giao tiền cùng hình ảnh, bản phôtô giấy phép lái xe hạng E của T cho T.

Đến khoảng tháng 4/2020, T gửi cho P 04 giấy phép lái xe mà P nhờ làm giả gồm: 01 giấy phép lái xe hạng D số 490113005201 mang tên Nguyễn Trường T; 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 790113005201 mang tên Lê Quốc P; 01 giấy phép lái xe hạng Fc số 520176011513 mang tên Nguyễn Văn T; 01 giấy phép lái xe hạng E số 700965000076 mang tên Võ T.

Đến ngày 14/5/2020, Phan Thị P đến Bưu điện D để gửi 04 giấy phép lái xe nhờ T làm giả trước đó cho các đối tượng thì bị lực lượng Công an kiểm tra, khám

xét và thu giữ các vật chứng liên quan và mời P về làm việc. Quá trình làm việc, Phan Thị P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại các bản kết luận giám định số 1639/KLGD-PC 09 ngày 28/8/2020, số 1640/KLGD-PC09 và số 1641/KLGD-PC09 cùng ngày 26/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

+ 02 (hai) Giấy phép lái xe số 490113005201, hạng D, mang họ tên Nguyễn Trường T, đề ngày 02/01/2018 và số 790113005201, hạng B2, mang họ tên Lê Quốc P đề ngày 29/12/2019 (ký hiệu A1, A2) là giả.

+ 01(một) giấy phép lái xe, số 520176011513, Hạng FC, mang Họ tên Nguyễn Văn T, đề ngày 23/12/2019 là giả

Tại Kết luận giám định số 2176/KLGD-PC09 ngày 22/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận 01 Giấy phép lái xe, Số 700965000076, Hạng E, mang Họ tên Võ T, đề ngày 29/5/2018 là giả

04 (bốn) phòng bì “EMS dịch vụ chuyển phát nhanh”, đều mang tên người gửi Phan Thị P, lần lượt gửi đến người nhận: Nguyễn T; Đặng Đức D, Nguyễn Văn T; Nguyễn Thùy L; Võ T (ký hiệu từ A1 đến A4) và 01 (một) bản tự khai đứng tên Phan Thị P, đề ngày 14/5/2020 (ký hiệu M) đều do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Phan Thị P không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định và tài liệu giám định của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai.

Tại bản cáo trạng số 90/CT.VKS – TN ngày 09/9/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Phan Thị P về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phan Thị P về tội “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, theo bản Cáo trạng số 90/CT.VKS – TN ngày 09/9/2021. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Phan Thị P mức án tù 02 (hai) năm 06(sáu) tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân thị trấn D giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, phạt bổ sung đối với bị cáo Phan Thị P số tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Tại phần tranh luận, bị cáo P không tranh luận với lời luận tội của kiểm sát viên, bị cáo hỏi hạn về hành vi phạm tội của mình mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo ngoài xã hội, để bị cáo có cơ hội trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ giải quyết vụ án, trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Phan Thị P tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu hồi được, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, các kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai nên có đủ căn cứ kết luận:

Do cần có tiền để tiêu sài cá nhân nên trong khoảng thời gian đầu năm 2020, Phan Thị P đã có hành vi môi giới làm giả 04 tài liệu gồm: 01 Giấy phép lái xe số 490113005201, Hạng: D, mang họ tên: Nguyễn Trường T, đề ngày 02/01/2018; 01 giấy phép lái xe số 790113005201, hạng B2, mang họ tên Lê Quốc P, đề ngày 29/12/2019; 01 Giấy phép lái xe, số 520176011513, hạng FC, mang họ tên Nguyễn Văn T, đề ngày 23/12/2019; 01 Giấy phép lái xe số 700965000076, Hạng E, mang tên Võ T, đề ngày 29/5/2018. Đến ngày 14/5/2020, tại Bru điện D, Phan Thị P đang có hành vi chuyển các tài liệu giả trên cho các đối tượng thì bị Công an huyện Thống Nhất phát hiện bắt giữ cùng vật chứng.

Bị cáo P đã có hành vi môi giới làm giả 04 tài liệu (giấy phép lái xe) nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 341 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Như vậy hành vi của bị cáo Phan Thị P đã phạm tội “*làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ Luật hình sự là có căn cứ. Bản Cáo trạng số 90/CT.VKS – TN ngày 09/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo P về tội danh và Điều luật đã viện dẫn như trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] hành vi phạm tội của bị cáo Phan Thị P là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật, là gây nguy hiểm cho xã hội nhưng để đáp ứng nhu cầu có tiền tiêu sài cá nhân bị cáo bất chấp pháp luật, thuê người làm giả 04(bốn) giấy phép lái xe cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng nên đã phạm tội. Hành vi phạm

tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng sâu đến hoạt động bình thường của cơ quan trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại đại phương. Do vậy cần phải có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Phan Thị P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo thuộc gia đình khó khăn về kinh tế, đang phải nuôi mẹ già và là lao động chính trong gia đình, được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 bộ luật hình sự năm 2015.

[5] căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng cụ thể, trong thời giam áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, bị cáo chấp hành tốt pháp luật; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ nghiêm khắc để giáo dục cải tạo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “người phạm tội còn có thể phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là để có tiền tiêu sài cá nhân, xét cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền nhằm sung quỹ nhà nước.

[7] Đối với đối tượng tên T được Phan Thị P đặt làm giả tài liệu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xác định được là Trần Văn T, sinh năm 1962, có đăng ký HKTT tại địa chỉ: 614/2, Phan Văn T, phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua xác minh thì T đã bán nhà và không còn sinh sống tại địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa làm việc được nên tách ra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

+ Đối với Nguyễn Thành T và Võ T, quá trình ủy thác điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Lâm Đồng và thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đã xác minh, nhân thân và làm việc được với các đối tượng T và T. Tuy nhiên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất vẫn chưa triệu tập, làm việc được với Nguyễn Thành T và Võ T nên tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ pháp luật.

+ Đối với các đối tượng tên Đặng Đức D, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thùy L, Lê Quốc P, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã ủy thác điều tra cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Định và huyện Gio L, tỉnh Quảng Trị nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời nên tách ra xử lý sau là có căn cứ.

[8] *Về vật chứng của vụ án:* Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015.

- Đối với các giấy phép lái xe hạng D số 490113005201 mang tên Nguyễn Trường T; 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 790113005201 mang tên Lê Quốc P; 01 giấy phép lái xe hạng Fc số 520176011513 mang tên Nguyễn Văn T; 01 Giấy phép lái xe số 700965000076, Hạng E, mang tên Võ T; 04 phong bì thư EMS đề tên người gửi Phan Thị P và người nhận là Nguyễn T; Nguyễn Thùy L; Võ T; Đặng Đức D; Nguyễn Văn T, cần tịch thu tiêu hủy.

01(một) điện thoại di động hiệu Nokia 150, màu đen, số seri: 357721105146807; 357721106146806, số sim 0919.192.026 và số tiền 4.500.000 đồng, liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] *Về án phí:* bị cáo Phan Thị P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Phan Thị P phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Phan Thị P 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05(năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Giao bị cáo Phan Thị P cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Phan Thị P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Phan Thị P số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy các giấy phép lái xe sau:

Giấy phép lái xe hạng D số 490113005201 mang tên Nguyễn Trường T; 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 790113005201 mang tên Lê Quốc P; 01 giấy phép lái xe hạng Fc số 520176011513 mang tên Nguyễn Văn T; 01 Giấy phép lái xe số 700965000076, Hạng E, mang tên Võ T; 04 phong bì thư EMS đề tên người gửi Phan Thị P và người nhận là Nguyễn T; Nguyễn Thùy L; Võ T; Đặng Đức D- Nguyễn Văn T.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 150, màu đen, số seri: 357721105146807; 357721106146806 và số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, theo biên bản giao nhận vật chứng giữa công an huyện Thống Nhất và chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất vào các ngày 26/8/2021; 14/9/2021 và biên lai thu tiền số 0002437 ngày 26/8/2021).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Thị P phải chịu 200.000đ (hai trăm) ngàn đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: bị cáo Phan Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. T. Đồng Nai;
- VKSND H. T;
- Công an H. T;
- Chi cục THADS H T;
- bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quang Phúc

-	
-	

